

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

vàng ắng: vàng tươi, vàng khè

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chữ nghĩa làng văn

Chữ

Văn chương là nghệ thuật ngôn ngữ. Căn bản của ngôn ngữ là từ vựng. Nhà văn nào cũng cần có vốn từ vựng dồi dào và cần có khả năng chọn được những từ ngữ thích hợp, chính xác và độc đáo nhất để diễn tả những gì mình muốn nói. Chuyện đó hầu như ai cũng biết. Dù không phải ai cũng có thể làm được.

Nếu chữ là yếu tố căn bản của ngôn ngữ thì câu mới là yếu tố căn bản của văn chương. Chữ, trong văn chương, bao giờ cũng nằm trong một ngữ cảnh nhất định. Bởi vậy, không có chữ hay hay chữ dở, chữ thanh hay chữ tục, chữ cũ hay chữ mới: *Chỉ có những chữ dùng đắc thế hay không mà thôi và sẽ không còn là những cái xác nằm bẹp dí trên trang sách*, như chúng vốn *nằm vậy, trong các cuốn từ điển*, mà chúng trở thành *những sinh vật biết ngo ngoáy* hay biết nhảy múa, và nhờ sự hô ứng của những chữ trước và sau đó, khiến người đọc nếu không ngạc nhiên một cách thích thú thì ít nhất cũng chú ý, từ đó, ghi nhớ.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

Chuyện làng văn với bút danh

Những tác giả có bút danh với chữ “Nhị”

Một phần những bút danh không do họ đặt ra vì người sau quen gọi họ. Một phần các nhà thơ trào phúng thường đặt chữ “Tú” trước tên mình, “Tú” là đẹp, không chỉ học vị, như Tú Mỡ tức Hồ Trọng Hiếu, Tú Kêu tức Trần Đức Uyển, Tú Xe tức Phạm Văn Tươi, phiên âm từ chữ Pháp “tout sait” nghĩa là “biết hết”.

Con người thông kim bác cổ... Lấy chữ “Đồ” dùng làm bút danh cho mình như Bùi Huy Phồn đặt Đồ Phồn, Ngô Tất Tố đặt Đồ Tố, Bàn Bá Lân đặt Đồ Gàn...

Người khác dùng các số của từ Hán như Nguyễn Tường Tam lấy Nhất Linh, Nguyễn Tuân lấy Nhất Lang, Chủ Đức Kính dùng bút hiệu là Nhị Ca... Hay Trần Khánh Giu lấy Nhị Linh, Thái Lân dùng biệt hiệu Nhị Lang, Cao Việt Dũng (1980) lấy bút danh là *Nhị Linh*, Lâm Tấn Phát lấy Nhị Liễu tiên sinh, Vũ Đình Chí lấy Tam Lang, Nguyễn Tường Long tức Hoàng Đạo chọn Tứ Ly..

Vì vậy có thể nói, các nhà văn nhà thơ vì một lý do nào đó lấy chữ “Nhị” làm bút danh. Như Nguyễn Đăng Quý bút danh là Nguyễn Đăng rồi Mai Thảo. Nhưng khởi đầu làm thơ là: Nhị.

Nhưng ngược lại, Đào Trinh Nhất mà nhiều người biết tên qua tác phẩm *Liêu trai chí dị, Cô Tư Hồng*, chọn bút hiệu là...Bất Nhị.

Một lỗi chơi chữ chỉ có “nhất” chứ không có...“nhị”.

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao



Ôn Như
Nguyễn Văn Ngọc

Câu đố

Ba bà mà giang chân ra
Một đứng đứng giữa mà tra c. vào
(ba ông đầu rau và nồi cơm)

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Chữ nghĩa làng văn Văn bài

Nhưng một bài văn hay không phải chỉ hay ở câu. Hay, phải hay toàn bài. Bài hay có thể cứu được những câu dở, nhưng câu hay lại không cứu nổi bài dở. Bởi vậy cách tạo câu, tuy quan trọng, nhưng không quan trọng bằng cách lập ý, tức cấu trúc chung của cả văn bài. Lập ý giống như bày trận. Mỗi câu, mỗi ý và mỗi chi tiết được phải được sắp xếp làm sao để chúng có thể hỗ trợ cho nhau, hô ứng với nhau, tăng cường sức mạnh cho nhau, cuối cùng, để lại một ấn tượng thật sâu trong lòng người đọc.

Trận đánh kết thúc ở câu/đoạn/ý cuối cùng.

Theo tôi, người không biết kết thúc một bài văn cũng giống như một người chơi cờ mà không biết cách chiếu tướng.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Ba ông ngồi ghế
Một ông cây thế, một ông cây thân
Một ông tằm ngàn đứt b. vào bếp

(Bể thổi lửa)

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn văn Ngọc)

Chữ nghĩa làng văn

Câu

Tài năng chính của một nhà văn, có thể nói, được thử thách, trước hết, ở khả năng kiến tạo *câu văn*.

Người lười chỉ viết được những câu văn tuy đúng ngữ pháp nhưng câu nào cũng giống câu nào, tất cả *đều đầy đặn và bằng phẳng, hàng nối hàng suông đuột, cứ trôi tuột qua mắt người đọc*, không để lại một ấn tượng gì cả. Người chịu khó, ngược lại, không ngừng thay đổi cấu trúc câu để mỗi câu có một cái dáng và một cái thể riêng, như dáng và thể trong cây cảnh; hoặc nếu không, cũng có một cái vẻ riêng, tuy nằm cạnh nhưng lại không lẫn với những câu khác, khiến người đọc, dù không cố tâm, vẫn phải chú ý.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

Trung Trắc và Thi Sách

Lý Tế Xuyên trong *Việt Điện U Linh Tập* gọi chồng Bà Trưng Trắc là Thi Sách.

Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt Toàn Thư* cũng sao chép vậy. Nhưng theo Phạm Việp trong *Hậu Hán thư* viết theo dạng chữ Nho không có dấu: *châu diên lạc tướng tử danh thi sách mê linh lạc tướng nữ danh trung trắc vi thê trắc vi nhân hữu đảm dũng tương thi khởi tặc mã viện tương binh thảo trắc thi tẩu nhập cấm khê*

Nếu nhân câu theo Hán tự, nếu như nhân ở chữ “sách”, hoặc đánh dấu phẩy và viết hoa theo chữ Quốc ngữ: *Châu Diên Lạc tướng tử danh Thi Sách, Mê Linh Lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thê*. Thì câu này được diễn Nôm là: “Con trai Lạc tướng huyện Châu Diên tên *Thi Sách*, có vợ là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh tên Trưng Trắc...”.

Sau Thái Tử Hiền, con vua Cao Tông nhà Đường hiệu đính lại:

Vì “sách” ở đây nghĩa là *lấy* và “thê” là *vợ*. Nên phải nhân ở chữ “thi”: *châu diên lạc tướng tử danh thi* sách mê linh lạc tướng nữ danh trung trắc vi thê*. Nghĩa là: “Con trai Lạc tướng huyện Châu Diên tên *Thi**, “lấy” vợ là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh tên Trưng Trắc...”.

Cái chết của Trưng Trắc

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép rằng Hai Bà cùng nhảy xuống sông Hát tự vẫn. Nhưng với *Hậu Hán Thư* viết khác: “Minh niên, chính nguyệt, trảm Trưng Trắc, Trưng Nhị, truyền thủ Lạc Dương”. Dịch nghĩa như sau: “Năm sau, tháng giêng, chém Trưng Trắc, Trưng Nhị, gửi đầu về Lạc Dương”. Thời Trần, Lê Trắc vì thua trận chạy qua Tàu và viết An Nam Chí Lược cũng ghi nhận là Trưng Trắc bị Mã Viện chém đầu.

Ngô Thì Sĩ trong *Việt Sử Tiêu Án* ở trang 40 có viết: “Trong đền thờ Hai Bà Trưng, những đồ thờ sự, tất cả đều sơn đen, tuyệt nhiên không có màu đỏ. Dân địa phương khi đến tế lễ, không được mặc áo đỏ vì đó là cấm lệ, tục truyền rằng, Hai Bà chết vì việc binh đao, nên kiêng sắc đỏ giống như máu”.

Sử Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục triều Nguyễn có ghi: “Trưng Vương và em gái chống với quân Hán bị binh lính bỏ trốn, lại thế cô, cả hai thất trận chết”.

Hiểu theo nghĩa là không phải *Hai Bà trảm mình ở sông Hát*.

(Giáo sư Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đợi bến Văn Lâu)

Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

Lễ trừ phục

Sau hai năm chọn một ngày tốt trong vòng ba tháng dư ai, để làm lễ trừ phục.

Trừ phục gồm 3 lễ:

1. Lễ sửa mộ: Đắp sửa mộ thành mộ tròn.

2. Lễ đàm tế: Cát khăn tang. Huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính. Bỏ bàn thờ tang. Thu cất các bức trướng. câu đối viếng.

3. Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên: Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

Nảy

Nảy ; sinh ra, mọc ra
(giậu thu vừa nảy gió sương)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Rủ nhau đi cầu

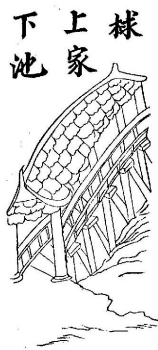
Cũng may, từ xưa đến giờ phần đông dân ta vẫn giữ được nhiều tình cảm sâu đậm:

- Ước gì sông rộng một gang

Bắc cầu giải yếm, để chàng sang chơi

- Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu/

Cầu tre vững dịp hơn cầu thượng gia.



Cầu thượng gia hạ trì

Cầu giải yếm là cầu hẹp. *Cầu thượng gia*, tên đầy đủ là *cầu thượng gia hạ trì* (trên là nhà dưới là ao), còn gọi là *cầu (lợp) mái* hay *cầu (lợp) ngói*. Huế có cầu Thanh Toàn, Hội An có cầu Nhật Bản...

Hai bên vào chùa Thầy (Hà Tây) mỗi bên có một *cầu thượng gia hạ trì*.

Đáng tiếc là người viết bài giới thiệu lịch sử chùa Thầy lại gọi là *cầu thượng gia hạ kiều* (trên là nhà dưới là cầu).

Dưới cái cầu là... cái cầu!.

(Nguyễn Dư)

88 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Một số tài liệu cho rằng Khái Hưng bị Việt Minh bắt giam tại Liên Khu 3 (Lạc Quàn, Trực Ninh) rồi đem xử tử hình ở bến đò Cựa Gà, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Theo con nuôi Khái Hưng, thì Khái Hưng mất tích sau Tết Đinh Hợi (22/1/1947).

Hồi còn dạy học ở thị trấn Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 1973, tôi đã nghe chính miệng những du kích Thái Bình, những kẻ thừa hành bản án kể rằng họ được lệnh bỏ rọ trảm xuống sông nhà văn Khái Hưng trong Tự lực văn đoàn. Kẻ hành quyết kể lại thái độ của Khái Hưng rất bình

thần, ung dung chui vào rọ nửa cho họ trần buộc dây, gài đá, vắn xuống sông. Ở dưới đáy sông sắc nước, chắc nghẹt thở lắm...Khái Hưng chết chỉ vì ông là đảng viên đảng Đại Việt!..."

(Những cái chết tức tưởi, chuyện bây giờ mới kể-Thái Doãn Hiếu)

Phở xuất hiện lúc nào?

Phở gánh



Nhà văn Nguyễn Công Hoan, đã xác nhận phở đã hiện diện đầu thế kỷ XX Trong tác phẩm "Nhớ và ghi về Hà Nội":

"1913... trọ số 8 hàng Hải... thỉnh thoảng, tôi được ăn phở (hàng phở rong). Mỗi bát 2 xu (có bát 3 xu, 5 xu)"(4)..

Lúc này phở rong đã khá thịnh hành, ngành kinh doanh phở đã bị chính quyền đánh thuế: "... người bán phở phải mua hai hào tem thuế mỗi ngày. Tính ra mỗi năm là 73 đồng".

Như vậy, ta có thể tạm kết luận phở ra đời ít nhất đầu thế kỷ XX. G. Dumoutier (1850 – 1904) nhà Việt Nam học xuất sắc để lại rất nhiều tư liệu giá trị trong mọi lĩnh vực nghiên cứu cũng từng khẳng định: "Phở chưa từng xuất hiện ở Việt Nam trước năm 1907!"(5).

(4) Nguyễn Công Hoan. Nhớ và ghi về Hà Nội, NXB Trẻ 2004.

(5) Trịnh Quang Dũng. Nguồn gốc món Phở.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

Chữ và nghĩa

Tục lệ miền Nam ngày Tết bày mứt cầu, dưa, đu đủ và xoài.
Với năm mới, đọc theo giọng miền Nam: *cầu vừa đủ xài*.

Giai thoại làng văn xóm chữ Ăn cơm vua

Một ông thợ xẻ, gặp dịp làm nên giàu có, mua được chút phẩm hàm, mở tiệc ăn khao Trong những câu đối và hoành phi gửi đến mừng, người ta chú ý nhất đến một bức trướng trên đề ba chữ: *Ăn cơm vua*.

Ai đọc cũng phải tìm tòi, nhớ lại câu hát: "kéo cửa, lừa xẻ, ông thợ nào khỏe thì *ăn cơm vua*, ông thợ nào thua thì về bú tí ..."

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

bàng bạc

Soạn giả cho rằng, bàng = rộng lớn; bạc = đầy bốn mặt, và, bàng bạc = rộng lớn, tràn lan khắp nơi. Cứ theo lời diễn giải ấy, chúng tôi tìm trong các từ điển Hán - Việt thì thấy chữ "bàng" 龐 có nghĩa là rộng lớn. Tiếc thay, cả ở các từ điển lớn của Trung Quốc như Từ nguyên và Từ hải đều không thấy trường hợp nào có chữ bàng 龐 ấy đi kèm với một chữ bạc nào cả. Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa tìm thấy chữ bạc nào có nghĩa là "đầy bốn mặt". Tuy vậy, cuối cùng cũng tìm được từ bàng bạc 磅礴 trong các từ điển của Trung Quốc. Nhưng các chữ bàng 磅 và bạc 礴 ở đây lại không hề có nghĩa gốc như soạn giả đã giảng. Cụ thể, bàng

磅 là một từ tượng thanh (âm phổ thông Trung Quốc đọc gần giống như "pang" trong tiếng Việt), có nghĩa gốc là tiếng kêu khi đá rơi hoặc khi đập vào đá, và nghĩa mở rộng là đầy ứ. Chữ bạc 礮 thì có nghĩa là nện, là đập. Nghĩa của từ bàng bạc 磅礮 này là rộng lớn và tràn đầy, phù hợp với nghĩa mà soạn giả đã nêu.

Như vậy là, ông đã chép ở đâu đó được cái nghĩa đúng của từ bàng bạc, nhưng lại tự ý suy luận sai nghĩa của các từ tố "bàng" và "bạc". Suy luận dựa theo cảm giác chủ quan của mình thì hết sức thiếu trách nhiệm và đương nhiên là sẽ phạm sai lầm. Xin lưu ý thêm rằng, chữ "bàng" 磅 này còn được dùng để dịch chữ "pound", một đơn vị trọng lượng trong tiếng Anh, mà chúng ta đọc là "bảng". Cũng không nên nhầm với chữ "bảng" 镑 dùng để chỉ đơn vị tiền tệ của nước Anh và một số nước khác.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ là nghĩa

Cái quần còn là nghi vấn, mặc dầu ta có tiếng *quần*, bởi hình ở trống đồng không cho ta thấy cái quần một cách rõ ràng.

Tất cả những động tác sinh lý về Đệ-tam-khoái và Đệ-tứ- khoái đều là tiếng ta. Về điểm này, có một hiện tượng ngộ nghĩnh lắm. Chúng tôi nói rằng *phương ngữ* (dialecte) của các vùng ở Trung Hoa đều biến mất hết, chỉ còn *phương âm* (prononciation provinciale) mà thôi, nhưng những chuyện bí mật sinh lý thì các địa phương còn dùng danh từ "man di" của họ hồi cổ thời. Triết-giang, Phước-kiến, Quảng-đông và Việt Nam, mỗi xứ mỗi giữ đúng tiếng cổ chỉ những việc đó. Người Trung Hoa đời Hán rất liêm khiết và đạo đức. Họ bắt các "man di" học đủ thứ, nhưng không dám đá động tới những cái đó, nên thổ ngữ các vùng mới còn sống sót cho tới ngày nay.

Thí dụ, việc đại tiện, Quảng đông nói là *Ói xỉ*, Mân Việt *Bấn Xoái*, đều không phải do Quan-thoại *Tá Pét* mà ra.

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Bài thơ Bên kia sông Đuống

Bài thơ *Bên kia sông Đuống* được Hoàng Cầm viết tại làng Thượng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, vào một đêm rét nằng Bân giữa tháng 4-1948.

Đêm đó, nghe tin Pháp đã chiếm các huyện bờ nam sông Đuống, Hoàng Cầm cảm nhận thế nào? Qua hồi ký *Sông Đuống bắt nguồn từ đâu?* In trong sách *Văn xuôi Hoàng Cầm* nhà thơ nhớ tâm trạng thuở nào:

"Tôi càng nghe, bụng dạ càng cồn cào xao động. Có lúc hình như tôi muốn bật khóc, có lúc ngồi nghe mà cứ run run lên vì căm giận và thương cảm, có lúc người tôi choáng váng suýt ngã".

Quay lại toà soạn, Hoàng Cầm thắp đèn dầu sờ, phóng bút chì lên liếp giấy kê trên chiếc bàn gỗ ọp ẹp:

*Em ơi! Buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

Một số tài liệu cho rằng Hoàng Cầm vừa khóc vừa sáng tác *Bên kia sông Đuống*. Chi tiết nọ không đúng sự thật. Nhà thơ xứ quan họ kể: "Rất xúc động lúc làm bài thơ ấy, nhưng tôi không khóc. Người khóc là độc giả đầu tiên của *Bên kia sông Đuống*: nhà văn Nguyễn Hồng".

(Phanxipăng - Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

Xuất xứ của những bản nhạc

Gái xuân – Từ Vũ

Mỗi dịp Tết đến, những giai điệu quen thuộc của bài hát Gái xuân lại vang lên: *Em như cô gái hãy còn xuân Trong trắng thân chưa lấm bụi trần...*

"Xuân Quý Ty (1953), tôi đang học lớp điện tử trong khuôn viên trường Petrus Ký. Lúc ấy tôi 21 tuổi sống xa gia đình, không bạn bè giữa Sài Gòn phồn hoa, đô hội. Buồn, chỉ biết lục sách báo ra đọc. Tình cờ mở sách gối đầu giường có tập thơ Mây Tần của Nguyễn Bính. Tôi đọc thấy bài Gái xuân, một bài thơ ngắn (chỉ hai khổ thơ) nhưng lại có hấp lực dẫn dắt tâm trí tôi quay về với cố hương ở Thường Tín (Hà Đông). Hà Đông là quê lụa nên câu Gái xuân giữ lụa trên sông Vân như đưa tôi về trong hoài niệm...

Rồi những câu "Lòng Xuân lơ đãng, ý xuân nồng.. Cô gái xuân mơ chuyện vợ chồng.. Đôi tám xuân đi trên mái tóc. Đêm xuân cô ngủ có buồn không".

Nhạc sĩ Từ Vũ kể tiếp:

Dạo đó, tôi quen với ca sĩ Linh Sơn bèn nhờ cô ấy hát nhưng do cô ấy quá bận rộn, chúng tôi không có dịp trao đổi nên ngày ra mắt Gái Xuân, thú thật tôi vẫn chưa ửng ý lắm. Sau đó, tình cờ tôi gặp nữ ca sĩ Tâm Vấn ở Đài phát thanh Sài Gòn, Tâm Vấn trách: Sao anh không tặng tôi bài hát của anh. Tôi đã chép tặng Tâm Vấn trên một tờ giấy. Sau đó tôi phải theo bỏ ra Phan Thiết nên cũng chẳng biết Tâm Vấn "xử lý" như thế nào với bài hát của tôi, chỉ thấy bạn bè viết thư ra cho biết Tâm Vấn hát bài Gái Xuân rất hay và hát thường xuyên ở đài phát thanh. Ở Phan Thiết, trong một đêm lang thang ngoài phố, tình cờ tôi nghe Đài Phát thanh Huế phát bài hát này qua tiếng hát của cô Diệu Hương. Tôi không biết Diệu Hương là ai nhưng tiếng hát ấy đã làm tôi đứng tựa cột đèn, ngây ngất, đến bây giờ cảm giác ấy vẫn còn.

"...Đêm Xuân cô ngủ có buồn không? Em như cô gái hãy còn Xuân Trong trắng thân chưa lấm bụi trần Xuân đến hoa mơ, hoa mận nở Gái Xuân giữ lụa trên sông Vân..."

Rượu trong văn học

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ (cầm, kỳ, thi, tửu)...

Với Dương Khuê thì hơi rượu trong thơ ông thoang thoảng trong vài nơi chứ không đậm nồng như ở các bài phong tình.

"Thức hay ngủ có sao nằm vậy

"Hãy tung màn gượng dậy làm vui

"Tiện đây hỏi một đôi lời

"Lòng chiều khách đã xuôi xuôi thế chửa

"Đàn cầm sắt gảy chơi lúc nữa

"Rượu hồng hoa còn chứa nữa hay không

"Nàng vâng xin cũng chiều lòng

(Thăm cô đào ốm)

"Thú tiêu sầu rượu rót thơ đề

"Có yển yển hường hường thời mới thú

(Tài tình)

"Rượu một bầu thơ ngâm một túi

"Góp gió trăng làm bạn với non sông

(Chơi trăng)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Chữ là nghĩa

Từ trước tới giờ, chúng tôi chỉ nói đến những tiếng Việt gốc, do hay không do tiếng Tàu mà ra. Nhưng nếu nó không do tiếng Tàu mà ra thì tự nhiên nó thành hình, hay do ngôn ngữ nào khác? Về điểm đó, chúng tôi chưa kịp học cho tới nơi, những công trình ngôn ngữ học của người Pháp cho rằng tiếng Việt có họ hàng với tiếng Thái cũng chưa chứng minh được gì.

Nhưng tiết lộ sau đây có thể làm quý vị ngẩn ngơ suy nghĩ.

Là danh từ *làng* của ta là tiếng Mã Lai đấy. Người Mã Lai đọc là *T'Làng*. Làng là một tổ chức độc đáo và tối cổ của dân tộc ta thì danh từ chỉ tổ chức ấy, nguồn gốc nó ở đâu, nguồn gốc dân tộc ta có thể ở đó.

Nhưng có ai tin được rằng dân tộc ta gốc Mã Lai hay không? Không, không ai tin cả. Những sử gia, những nhà học giả đã nhận càn rằng người Lạc Việt ở Đông Sơn là tổ tiên của ta, họ nhận xét thiếu tinh thần khoa học, nhận người Đông Sơn Lạc Việt là tổ tiên ta, nhưng lại không nhận rằng Lạc Việt là người Anh-đô-nê-diêng mặc dầu màu sắc Anh-đô-nê-diêng quá rõ rệt nơi các cổ vật. Họ không nhận vì họ tưởng Anh-đô-nê-diêng đã man lăm, bởi các nhà học giả Tây-phương thường nói "*người mọi*" cũng là "Anh-đô-nê-diêng". Họ xấu hổ mà có tổ tiên thất kém đến thế.

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Thế Lữ tên thật là Nguyễn Đình Lễ, cũng là Nguyễn Thứ Lễ.

Thứ Lễ nói lái thành Thế Lữ: Người khách phiêu du trên trần thế.

Ông dùng bút hiệu Lê Ta, vì Lễ = Lê ngã, Ngã chữ nho là "ta".

Đôi khi ông lấy tên Lê Tây để đùa.

Có một câu đối dùng bốn tên của ông, chưa ai đối được, đó là:

Thế Lữ mừng xuân hai thứ lễ

Một quả lê tây, một quả lê ta.



Thế Lữ ở Thái Hà Ấp, Hà Nội. Lớn lên ở Lạng Sơn. Tỉnh Lạng Sơn là nơi rừng núi âm u, nhiều sắc dân miền núi, nhiều chuyện ma rùng rợn, người lớn. 1929 lên Hà Nội lần thứ nhất, vào học trường Mỹ Thuật, được một năm rồi bỏ, vì y muốn viết văn.

Thế Lữ viết *Một cuộc báo thù ghê gớm*, *Tiếng hú hồn của mộ Ké*, *Tiếng nói thảm của người chết* do những xúc động khi ở Lạng Sơn. Ra cuốn sách đầu tiên *Một chuyện báo thù*, ký tên Nguyễn Thế Lữ, rồi cuốn truyện ngắn thứ hai *Tiếng Hú Hồn*. Về Hải Phòng, nhớ lại chuyến đi thăm chùa Hang ở Đồ Sơn, viết *Vàng và Máu*.

Cũng năm đó, Phong Hoá của nhóm Nguyễn Tường Tam ra đời, Thế Lữ có cảm tình ngay với tờ báo có phương hướng rõ ràng này, muốn hợp tác.

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

Chữ nghĩa làng văn

Hơi chữ

Chữ chỉ là một ký hiệu, giống như mũi tên thì chỉ đường đi, đèn đỏ thì xe ngừng lại. Mỗi một chữ tự nó không có nghĩa gì hết. Nó ám chỉ một cái gì khác hơn chính nó. Nhưng khi chúng kết hợp với nhau thì tính cách ký hiệu của chúng dường như thay đổi. Hành vi đọc, không còn là đọc những ký hiệu, mà là đắm mình vào trong một thế giới khác cái thế giới mà ta đang hiện diện.

Đọc thì cũng là nhìn, nhưng dường như ta chẳng hề thấy chữ “a”, chữ “b”, chữ “u”, chữ “o”, hay câu ngắn câu dài, hay chữ đẹp, chữ xấu, mà thấy từng chuỗi chữ kết nối nhau. Mà dường như ta không hề thấy. Ngược lại, *ta nghe, ta cảm, ta ngửi*. Y như những con chữ có thể bốc lên, tỏa ra. *Nghe có hơi. Tôi gọi là hơi văn.*

Nói chung là hơi chữ.

(Hơi chữ – Trần Doãn Nho)

Chữ Việt cổ

bằng nôi : bắc nôi

(Phạm Xuân Độ)

Chữ nghĩa làng văn

Chữ

Đọc mà như lệnh đênh bơi trên bờ ảo. Ảo của vật, ảo của ý. Ảo của ảo. Tất cả đều loáng thoáng, mơ hồ, chợt có chợt không. Gọi nên cái *mỏng tang* của không gian, của thời gian, và của cả...Hơi chữ nghe có vẻ chắc. Nhưng xem ra đầy nghi hoặc!

Những mảng mênh mông, người viết tiếc không thể đưa thêm nhiều hơn nữa! Cũng là những con chữ đó – những ký hiệu – ai cũng có thể viết, có thể sắp xuôi, sắp ngược theo ý, ấy thế mà, mỗi cách hành văn lại có một lối sắp xếp khác nhau, đưa đến những cấu trúc khác nhau và *toát ra hơi chữ khác nhau*. Nhiều bất ngờ khiến cho khi đọc tưởng mình lạc vào một vùng đất nguyên sinh như chưa từng biết đến bao giờ.

Chữ, lạ thật!

(Hơi chữ – Trần Doãn Nho)

Chữ là nghĩa

Danh từ *làng* của ta và *t'làng* của Mã Lai là một trong những khoen trung gian ấy. Đây là một tờ tạp chí chuyên nghiệp về văn học, nên chúng tôi chỉ có thể trình bày khía cạnh ngôn ngữ mà thôi, nhưng còn không biết bao nhiêu cái khoen trung gian lối đó, nó làm cho phái phủ nhận tổ tiên ta là Lạc Việt phải soát lại quan niệm của mình và phải nhận càn, không đưa được chứng tích, sẽ được ở yên trong sự nhìn nhận của họ, mặc dầu họ đã nhận mà không tìm tòi theo sự đòi hỏi của phương pháp khoa học.

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Nặc

Nặc ; đậm đặc
(*thơm nặc, nặc mùi rượu*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Rượu trong văn học

Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhuốm mùi men rượu là thế.

Như Trần Tế Xương, ông Tú đất Vị Xuyên, trong bài “Ngẫu hứng”, cũng không kém đệ tử Lưu Linh:

Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cỡi trâu.
Cỡi trâu thế mà vững,
Có ngã cũng không đau
(Ngẫu hứng)

Hay ngậm ngùi cho sự Bất đắc chí của ông trong bài “Say rượu”:

Đời này thực tình những ai đây?
Ai tình cho ta chịu tiếng say.
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,
Dở mồm nào biết giọng là cay.
Bạn cùng quỉ dấy chi cho bạn,
Vui với ma men thế cũng hay.
Ngất ngưỡng hai tay vợ đưa chén,
Đố ai đã được cái say này.

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Chuyện làng văn với bút danh

Văn nghệ sĩ thay vì dùng họ tên thật ghi dưới tác phẩm, họ lại dùng bút danh và nghệ danh. Ta có thể nêu những nguyên nhân dưới đây.:

Thuở xa xưa, hầu hết vốn là nhà Nho khi sáng tác văn học đều dùng *hiệu*, như Nguyễn Trãi lấy hiệu Ức Trai, Nguyễn Du có hiệu là Thanh Hiên,...

Một số hiệu nói lên hoài bão, của mình như Phan Bội Châu có hiệu là Sào Nam (luôn nghĩ về đất nước như chim Việt luôn làm tổ ở cành phía Nam: *Việt điểu sào nam chi*); Nguyễn Khuyến lấy hiệu là Quê Sơn (quê hương ông); Sương Nguyệt Anh là hiệu của bà Nguyễn Thị Xuân Khuê, (vì bà là quả phụ),...

Để tạo ra bút danh, các văn nghệ sĩ thường sử dụng các phương thức sau đây:

Liên tưởng

Trong tiếng Việt có từ láy (la) *chí chóa* nên nhà vẽ tranh hí họa Nguyễn Hải Chí (1943-2003) lấy bút danh *Chóa*, vì khi nghe đến tiếng Chóa, người ta liên tưởng tới tên chính của ông: Chí (chóa).

(Lê Trung Hoa)

Chóa



Đầu thập niên '70 làng báo Sài Gòn chưa có ai tên là Chóa. Chỉ hai ngày sau Nguyễn Hải Chí cầm đến tòa báo trên đường Nguyễn An Ninh (bên hông Chợ Bến Thành), ở lầu hai, một bức hí họa.



Nguyễn Hải Chí vẽ Viên Linh

Tôi cười ngất. Chóe vẽ đúng những điều tôi hy vọng: vẽ như dùng dao khắc vào gỗ. Tôi ngắm đi ngắm lại bức hí họa đầu đời của Nguyễn Hải Chí:

“Cậu chưa ký tên.”

“Tôi không biết ký tên gì.”

“Mấy thằng Tây vẽ hí họa chỉ ký tên có một chữ. Như thằng Tim. Tên cậu là Chí. Ký là Chóe đi.”.

Nguyễn Hải Chí ngồi xuống, viết chữ Chóe ở góc dưới tấm tranh. Từ đó làng báo Việt ngữ có một nhà vẽ hí họa xuất hiện.

Năm 1973 một cuốn sách Anh ngữ in toàn tranh Chóe, do Glade Publications xuất bản ở North Carolina, Hoa Kỳ, ngoài bìa đề: The World of Chóe, Vietnam's Numberone Editorial Cartoonist. (Thế giới của Chóe, nhà hí họa thời chính số 1 Việt Nam). Tác giả cuốn sách không in tên ngoài bìa nhất, mà ở bìa 4: Barry Hilton. Chóe vẽ biếm họa từ Diễn Đàn, và ngay đó trên Khởi Hành, song Nguyễn Hải Chí xuất thân từ Khởi Hành, 1969.

Từ đó bút hiệu Chóe như một tinh quang chói ngời với thời gian...

(Chóe, vua hí họa thời thế - Viên Linh)

Tuổi hạc

Bạn có bao giờ ngắm kỹ một con hạc trắng chưa?

Nó trông thật mảnh mai, chân dài, người mỏng, trong một bộ lông trắng muốt. Trông nó thanh cao như một người luống tuổi mà vẫn giữ được phong cách ung dung... Con hạc được coi là một con vật sống lâu cho nên người ta gọi tuổi của các cụ là tuổi hạc.

Khai tử Thi Sách !?

Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết: “Canh Tý nguyên niên, Hán Kiến Vũ thập lục niên, xuân nhị nguyệt, vương khổ thái thú Tô Định thắng dĩ chính, cập thù Định sát kỳ phu, nãi dữ kỳ muội Nhị, cử binh công hãm châu trị” – (Năm Canh Tý năm đầu, năm thứ 16 hiệu Kiến Vũ nhà Hán, mùa xuân, tháng hai Vương đầu lòng vì Tô Định lấy chính pháp ràng buộc, lại căm thù vì Tô Định giết chồng, bèn cùng em gái là Nhị, cử binh đánh phá châu trị). Theo trên thì chồng bà Trưng Trắc bị giết trước khi khởi binh.

Nếu sử Trung Hoa không nói đến thì sử gia Việt khó mà có tài liệu để viết lại quá khứ. Vì sử Trung Hoa nói rõ Trưng Trắc cùng chồng nổi lên đánh đuổi Tô Định như sau:

Vào thế kỷ 18, khi hiệu đính *Hậu Hán Thư* của Phạm Việt, Thái tử Hiền ghi chú nguyên nhân đưa đến cuộc khởi binh của Trưng Trắc. Ông viết: “Giao Chỉ Thái thú Tô Định, dĩ pháp thằng chi, Trắc oán nộ, cố phản” (Thái thú Giao Chỉ Tô Định lấy luật pháp mà ràng buộc, nên Trắc tức giận, chống lại).

Thêm nữa, sách *Thủy Kinh Chú* của người Trung Hoa viết về ông Thi thì ông chẳng hề bị Tô Định giết mà còn sát cánh với bà, sau khi bị Mã Viện tấn công: *Thi và Trưng Trắc chạy về Cẩm Khê, 3 năm sau cả hai vợ chồng bị bắt. Và 8 tháng sau bị hành hình.*

Vậy sao sử quan ta lại mượn tay Tô Định...*khai tử ông Thi !?*

Họ lập luận rằng vì người Việt cổ theo chế độ mẫu hệ. Các sử quan sau này là nhà Nho để ông Thi còn sống mà bà Trưng Trắc làm vua thì ngược lẽ với thánh hiền Khổng Mạnh.

Nhà Nho không làm như vậy!

(Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đợi bến Văn Lâu)

89 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

- Thế còn truyện ngắn “Con chó xấu xí”?

- Tôi viết *Con chó xấu xí* là viết sau khi xảy ra chuyện Nhân văn Giai phẩm. Tuy tôi không bị liệt vào nhóm Nhân văn Giai phẩm nhưng lúc bấy giờ Tố Hữu xướng ra việc đấu tranh với Nhân văn Giai phẩm thì có 5 người không tham gia "đánh", gồm có: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng và tôi.

Chúng tôi không tham gia hội họp, không viết bài "đánh"... vì chúng tôi cho rằng đó đều là anh em mình cả. Chúng tôi chỉ muốn, nếu thực sự họ sai thì phải thuyết phục họ, vì tất cả đều mới ở trong kháng chiến mà ra cả (Hoàng Cầm, Trần Dần, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt...). Nhưng chính vì không tham gia, nên người ta cũng ghét chúng tôi.

- Chính "*Con chó xấu xí*" ông viết để tự bạch tâm trạng của mình với mọi người lúc bấy giờ?

- Đúng thế! Tôi chỉ muốn nói rằng, tuy tôi có là con chó xấu xí nhưng vẫn trung thành với chủ. Nguyễn Công Hoan đọc xong bảo "thằng này ngu bỏ mẹ, tự nhận mình là con chó!". Ông Văn Cao thì nhận xét "gớm cậu viết võ kín quá!" làm tôi sợ.

Thực ra mình chỉ muốn làm kẻ đơ đơn quý dưới công đường nói rằng "tôi bị oan".

- Nhưng ông đâu có bị "đánh" mà kêu oan?

- Cũng bị đánh chứ, vì khi đó tôi có viết một truyện ngắn *Ông lão hàng xóm*, ngày ấy cũng là chuyện nói về sai lầm trong cải cách ruộng đất. Lúc bấy giờ in ra, nhiều người thích vì cho rằng viết thế là dữ dội. Cộng với mình lại thêm tội "không chịu viết bài để đánh Nhân văn Giai phẩm" thế là người ta đánh tôi luôn...

(Cuộc trò chuyện cuối cùng với nhà văn Kim Lân – Bá Kiên)

Rủ nhau đi cầu

Thôn quê có cái *cầu ao* gần gũi, gắn bó với mọi người.

Giã ơn cái cối cái chày

Đêm đêm giã gạo có mày có tao

Giã ơn cái nhịp cầu ao

Đêm đêm giã gạo có tao có mày

Cầu ao không bắc từ bờ này sang bờ kia để qua lại mà chỉ bắc từ bờ nhô ra mặt nước độ một, hai mét để ngồi rửa rau, vo gạo, giặt giũ, tắm gội.

Ta có một kiểu *cầu tre* đặc biệt là *cầu khỉ*. Tên nghe ngộ nghĩnh. Tự điển Génibrel dịch là: *Pont de singes* (cầu của khỉ). *Pont difficile à passer* (cầu khó đi).



Cầu khỉ khó đi ai cũng đồng ý. Nhưng nói rằng *cầu khỉ* là cầu của khỉ, được khỉ dùng để qua lại thì nước ta từ xưa đến nay chưa hề có. Làng quê ta chưa được thấy *khỉ*... *đi cầu* bao giờ.

- Khỉ (hay Khởi, bộ Tẩu), nghĩa là đứng dậy (khởi nghĩa, quật khởi), bắt đầu (khởi hành, vạn sự khởi đầu nan).

Con vật đứng dậy được được ta gọi là con khỉ. Cái cầu có từng cặp thân tre bắt chéo nhau, trông như người đứng dạng chân, được ta gọi là *cầu khỉ*. Cầu khỉ không dính dáng gì với con khỉ.

Miền Nam có một kiểu cầu độc đáo là *Cầu tiêu*.

Thuở ban đầu, *cầu tiêu* là một bộ phận của nhà sàn dựng trên sông lạch, là cái *cầu* để ngồi ỉa, đi đái, đi *tiêu* (tiêu hóa). Ngày nay, *cầu tiêu* được hiểu theo nghĩa rộng. Máy bay trên trời, xe lửa dưới đất, nhà cao tầng ngất ngưởng, chỗ nào cũng dùng *cầu tiêu*. Cầu không cần phải nằm trên mặt nước.

Cho mãi đến những năm 1965-1970, xóm Thị Nghè vẫn còn *cầu tiêu* công cộng lộ thiên. Trên là trời, dưới là... rau muống.

(Nguyễn Dư)

Phở xuất hiện lúc nào?

Vũ Ngọc Phan (1902-1987), kể chuyện lúc trẻ khoảng 10 tuổi, tức khoảng 1910, chính người Việt Nam và Trung Quốc rao là “phở”. Ông tả cảnh Hà Nội ban đêm: “Người bán hàng xách cái đèn đu đưa, bán qua mấy phố rồi rẽ ra bờ sông bán cho khách nằm thuyền. Lại có tiếng rao vang từ đầu phố đến cuối phố “cháo gà”! “cháo vịt”. “Miến gà”, “Miến vịt”! Hai thứ hàng này chỉ bán về đêm Hàng phở thì đi đến phố nào cũng thấy họ gánh gánh. Chốc chốc lại vang lên một tiếng “phở”! Cũng có người Hoa kiều đi bán phở, họ rao dài: “Ngầu nhục phở” Phở! Những tiếng rao “Tình tăng cầu bánh bò Tàu”, “Bát bảo lương xà”, “Lục tào xá” (chè đậu xanh)... (1)

(1) Vũ Ngọc Phan. Những Năm Tháng Ấy. Văn Học, Hà Nội, 1987.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Bì bà, bí bạch chân cò
Bí ba bí bách, nằm co giữa giường
Đoạn rồi sờ vú sờ sườn
Sờ sao cho nó đỡ buồn mà thôi.
(Bành dây)

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn văn Ngọc)

Hát ca trù



Hát ca trù hay *nhà trò*, hát ả đào, hát cô đầu, hát nhà tơ, theo nhiều tài liệu văn bia, thư tịch cổ xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), vua Lý Thái Tổ đặt chức quản cho giới con hát.

Tuy nhiên phải đến thời Hồng Đức (1470–1479), nghệ thuật hát ca trù mới chính thức được hoàn thiện về cơ cấu nghệ thuật, đến không gian trình diễn thường gọi là hát cửa đình.

Những hát nói, hát ru, hát sấm từ hát *ca trù* mà có.

(Nguồn: Bùi Đệp)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhạc sĩ Phạm Duy, bạn thân của Hoàng Cầm, đã phổ bài thơ *Lá diêu bông* thành ca khúc, từng viết *Hoàng Cầm trong tôi* tại California, Hoa Kỳ, vào năm 1984 nêu cách giải thích: “...Trước hết chúng ta cần biết lá diêu bông là lá gì? Lá diêu bông (lá bông diêu thì đúng hơn) là thứ lá đặc biệt ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, phụ nữ thời xưa thường vắt ra nước rồi bôi lên mặt cho da dễ được hồng hào tươi đẹp...”

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

Em đi chùa Hương - Nguyễn Nhược Pháp

Hội Chùa Hương năm 1934, ông cùng Nguyễn Vỹ và hai người bạn nữ sinh Hà thành đi trải hội. Đến rừng mơ, hai văn nhân gặp một bà mẹ cùng cô gái độ tuổi trăng rằm vừa bước lên

những bậc đá vừa niệm Phật "Nam mô cứu khổ quan thế âm Bồ Tát". Về đẹp thánh thiện mang nét chân quê của cô gái đã hợp hồn hai chàng thi sĩ khiến họ trân trân nhìn quên cả hai bạn gái cùng đi.

Đêm đó, Nguyễn Nhược Pháp không sao chợp mắt được. Hình ảnh cô gái chân quê đi Chùa Hương khiến ông xúc động viết lên những vần thơ có sắc màu tươi vui, hình ảnh ngộ nghĩnh, cả hồn người lẫn vẻ đẹp của ngày xưa hiện lên trên từng câu, từng chữ.

Cô gái Chùa Hương khi in vào tập Ngày Xưa thì hai chữ "Cô gái" bị bỏ đi, chỉ còn *Chùa Hương*. Bài thơ trước đây đã được nhạc sĩ Trần Văn Khê phổ nhạc song không được phổ biến rộng rãi. Phải tới gần 60 năm sau, nghệ sĩ Trung Đức qua lần đi Hương Sơn cảm tác đã phổ nhạc bài thơ, thêm bớt lời để thành bài hát *Hôm qua em đi chùa Hương*. Ngay từ lần phát sóng đầu tiên, *Hôm qua em đi chùa Hương* đã được đồng đảo thính giả ưa thích và nhanh chóng được phổ biến rộng rãi.

"...Hôm qua em đi chùa Hương Hoa cỏ còn mờ hơi sương Cùng thầy mẹ em vấn đầu soi gương Nho nhỏ cái đuôi gà cao Em đeo cái dải yếm đào Quần lĩnh áo the mới Tay em cầm chiếc nón quai thao Chân em đi đôi dép cao cao..."

Nét "tục" trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Bốn chân chong chóng, hai bụng kề nhau
Cắn giữa phau câu, nghiêng đi nghiêng lại.
(cối xay)

("Tục Ngữ Phong Dao" - Nguyễn văn Ngọc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

bành trướng 膨脹

Sau khi giải thích rằng, bành là nước chảy mạnh, trướng là nước dâng lên, soạn giả nêu định nghĩa: bành trướng nghĩa là lan rộng ra, là phát triển rộng ra. Sự thật thì ông đã đoán sai nghĩa của các từ tố. Bành 膨 nghĩa là phình to ra chứ không phải là nước chảy mạnh, trướng 脹 nghĩa là nở trương lên chứ không phải là nước dâng lên. Cả hai từ tố này không liên quan đến nước. Bành trướng có nghĩa gốc là trương phình to ra, nhưng nghĩa bóng là "mở rộng phạm vi thế lực" mới là nghĩa thường dùng. Định nghĩa do soạn giả nêu ra tuy không quá sai, nhưng chưa đạt.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tương tư chẳng ốm cũng sầu
Con ruồi đậu mép chẳng đau cũng buồn

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

Hát cô đầu

Dù có tinh thần bài Trung Hoa nặng đến đâu chăng nữa, tôi nghĩ ta cũng phải nhận rằng người Việt Nam, từ mấy ngàn năm, đã học tập rất nhiều thứ của người Trung Quốc, trong số có "nghe chơi" là một. Hát ả đào, hay hát cô đầu ở nước ta, là một biến thể của nghề ca kỹ ở

Trung Quốc. Hình ảnh đậm nét nhất, gây ấn tượng nhất của những nàng ca kỹ Trung Hoa là hình ảnh và tâm sự người thiếu phụ bên Tầm Dương, do Bạch Cư Dị vẽ lên và để lại, sống mãi trong thơ văn từ hơn ngàn năm trước đến nay.

Hai ông Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề, trong quyển Việt Nam Ca Trù Biên Khảo, viết: “Lối hát ả đào có từ thời nhà Lý. Năm Thuận Thiên thứ 16 – 1025 – Vua Lý Thái Tổ đặt chức quản giáp cho giới con hát. Trong đời nhà Lý, có Tống Đạo sĩ là người nước Tàu sang ngụ nước ta, dạy con gái nước ta múa hát. “Cuối đời nhà Hồ (1400-1407) có người con hát họ Đào, quê ở làng Đào Xá, Hưng Yên, lập mưu giết được giặc Minh. Khi nàng chết, dân làng nhớ ơn lập đền thờ, gọi thôn nàng là thôn Ả Đào. Từ đấy, những cô gái đi hát được gọi là Ả đào, hoặc Đào nương.”

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Đốt vàng mã

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trà, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia một phần gia tài. ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nồi đồng, mâm gỗ, ấm đất, bát đĩa, dao rựa, chần chiếu quần áo, mũ nón...đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trâu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được, và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "Phép thiêng biến ít thành nhiều". áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không nỡ dùng vào việc khác, người ta đốt đi dần dần sinh ra được thay thế bằng quần áo giấy.

Vì vậy mới có câu tục ngữ "Đi theo ma mặc áo giấy".

Nhà văn

Có một lần, một anh bạn mắng xơi xơi vào mặt tôi (Nguyễn Đức Thiện): “ anh là cái gì, là nhà “ *dãng* “ hả? Nhà “ *dãng* “ là cái quái gì?” Tôi không dám cãi một câu. Thì bởi: nhà văn thì cũng bình thường thôi, như bao nhiêu người bình thường khác.

Có người bảo: văn chương giống như cái chợ. Ai thích thì vào không thích thì thôi. Vào không mua, không bán, thì dạo chơi. Thích thì dạo lâu, không thích thì thoáng qua rồi đi. Không thiếu gì người đã hăm hở bước vào nghề văn chương với nhiệt huyết cao. Nhưng chỉ một thời gian, có khi vì hoàn cảnh, và cũng có khi lực bất tòng tâm, họ chia tay với văn chương mà không lời từ biệt. Nhưng cũng có người, ngày này sang tháng khác, năm này qua năm khác, làm lũi một mình viết và cho ra đời những tác phẩm của mình. Cho nên, ai từng những ai đã từng ghé *chợ văn chương*, từng cầm bút viết thành tác phẩm đều có thể gọi họ là nhà văn, thậm chí, chính họ cũng có quyền xưng danh là nhà văn, nhà thơ nữa mà chẳng ai có quyền bắt bẻ...

Cho đến bây giờ, những nhà văn, nhà thơ hội viên dưới tuổi bảy mươi may lắm ba bốn năm mới được tài trợ sáng tác một lần. Nhà văn nào sung mãnh sáng tác thì vài năm một lần được tham gia trại viết để hoàn thành tác phẩm. Cái mà họ được thường xuyên nhất là một số ấn phẩm do Hội nhà văn chủ trì in ấn.

(Nguyễn Đức Thiện – Danh xưng “Nhà văn”)

Đàn đáy



Đàn đáy là nhạc khí đặc trưng trước kia chỉ dùng để đệm cho một thể loại hát duy nhất với hai nhánh mà ngày nay người Việt thường gọi là Hát cửa đình và Hát ả đào (Ca trù). Chỉ nam giới mới chơi nhạc cụ này. Có lẽ đàn được sáng tạo từ thế kỷ 15.

Âm sắc trầm, đục, ấm nhưng ngắn của đàn đáy tạo nên sự tương phản làm nổi bật âm sắc của những người bạn hòa tấu với nó. Bởi tính chất khiêm tốn, nhũn nhặn của tiếng đàn trong khi đệm cho hát, có người đã ví đàn đáy như một "triết gia ẩn dật".

(Nguồn: Bùi Đạp)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Cửa. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Bọm bãi: người không ngay thật, điểm đàng, xảo trá

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Chữ nghĩa làng văn

Tùy bút - tùy hứng là phóng bút, gặp gì chép nấy, nghĩ sao nói vậy: *Một cơn mưa, một giọng hát, một hớp trà, một trang sách, một tiếng ve rí rả trong rừng...* bất kỳ một sự việc nào, hễ gợi hứng cho ta cũng có thể là đề tài một thiên tùy bút.

Nó phóng túng như vậy nên ta tưởng là dễ, nhưng có viết thử mới thấy khó. Trước hết nó phải thanh thoát, nhẹ nhàng như ngồi bên giàn hoa hay một ấm trà. Nó không dài, trung bình mười trang trở lại, nhưng lời phải tự nhiên, có duyên, nội dung phải có ý vị.

Quan trọng nhất vẫn là nghệ thuật. *Tiểu thuyết mà dở thì người ta vẫn gọi là tiểu thuyết; thơ mà dở thì cũng vẫn là thơ - thơ con cóc. Còn tùy bút mà thiếu nghệ thuật thì không có tên để gọi vì lẽ không ai thèm biết tới.*

Cho nên lựa thể tùy bút là làm một công việc chỉ có thành công hay thất bại, không thể nhùng nhằng được.

(Nguồn: Nguyễn Hiến Lê)

Chữ nghĩa làng văn

Văn phong

Cái khó đầu tiên là chọn cách diễn đạt cái thực thể đó: cách hành văn, bố cục, đối thoại, tả cảnh, tả tình, xây dựng nhân vật, xây dựng sự biến đổi hay ngay cả dùng chữ nghĩa để làm "rối tung" mọi sự lên. Thông thường thì mỗi nhà văn đều chọn cho mình một cách diễn đạt riêng từ trước. Họ chỉ lặp lại cách đó (có khi suốt cả sự nghiệp của họ). Ta gọi là văn phong. **Văn phong thể hiện cá tính nhà văn trong tác phẩm.**

Hiếm nhà văn nào thay đổi văn phong một cách dễ dàng. Tuy văn phong không thay đổi, nhưng tác giả thường thay đổi cách diễn đạt ở một mức độ nào đó cho phù hợp với cái chất, cái đặc tính, hay không khí và chủ đề của tác phẩm.

(Viết: Săn lùng ngôn ngữ - Trần Hữu Thực)

Chuyện làng văn với bút danh

Tú Mỡ



Chuyện bút danh nhà văn vẫn là chuyện... muôn đời. Có những bút danh trái ngược hẳn với người như Tú Mỡ té ra lại là người rất gầy. Bút Tre thì lại toàn dùng bút máy, vì ông làm đến chức trưởng ty, chả có trưởng ty nào lại viết bằng bút tre cả.
(Văn Công Hùng)

Cuộc trao đổi tâm sự buổi đầu giữa anh Tam với tôi có chiều tâm đắc, và từ đó chúng tôi thành đôi bạn tâm giao, và khuyến khích lẫn nhau. Một hôm, không hiểu câu chuyện gì, anh nói đến vấn đề “gạn đục khơi trong” của học thuyết Mạc - Địch. Dĩ nhiên, các bạn đồng sự của tôi không thích thú lắm câu chuyện triết lý mệt óc đó. Để anh Tam khỏi bị ngược ngạo như người thuyết minh giữa sa mạc, tôi làm ra bộ lắng tai nghe... Khi anh dẫn dắt đến câu “Nước trong ta giặt giải mũ, nước đục ta rửa chân...,” tôi bất tỉnh linh, bắt chuyện, nói tiếp luôn “nước đá ta cho vào rượu bia ta uống!”.

Câu khôi hài ấy khiến cả buổi cười ồ... Câu phá quấy của tôi không làm anh Tam giận, anh cười to hơn mọi người và bảo tôi: “Khá đấy! Anh nên làm thơ hài hước đi, anh có khiếu về trào phúng đấy.” Một lời đã biết đến nhau... (1) Câu nói của anh thể mà thấm vào tâm trí tôi.

(1) Xem Người để ra “tên-Lý Toét” lại là Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu - Phạm Thảo Nguyên..

Ít lâu sau, anh tính chuyện mở một tờ báo trào phúng lấy tên là *Tiếng cười*. Anh thấy báo chí của ta bấy giờ chán ngắt, nếu không là báo thông tin “chó chết” thì là báo lý luận suông. Nước ta chưa có một tờ báo nào chuyên về trào phúng.

Tiếng cười ra đời chắc sẽ được hoan nghênh trong làng báo quốc ngữ. Hiện anh đang đi tìm bạn cùng chí hướng để tổ chức tòa soạn, và xin tôi nhận một chân trợ bút về mục thơ trào phúng, ngón sở trường của tôi mà anh đã khám phá ra. Ý muốn đó của anh thật là hợp với sở thích, với ước mong của tôi.

(trích *Trong bếp núc của Tự lực văn đoàn* - Hồi Ký Tú Mỡ)

Chữ nghĩa làng văn

Cấu trúc ngôn ngữ

Viết là tìm cách diễn dịch bằng con chữ làm sao cho chúng phù hợp. Bởi thế, nhà văn làm *một cuộc săn lùng ngôn ngữ, thiết kế ngôn ngữ và cấu trúc chúng thành một tổng thể* làm sao để chúng có thể truyền đạt được hết những gì muốn truyền đạt. Vì để làm được điều đó, nhà văn phải vượt qua nhiều khoảng cách bất định: hiện thực. Các khoảng cách luôn luôn trắc trở, không thể lấp đầy.

Chính vì thế, trong nỗ lực (tuyệt vọng) để cho các con chữ thể hiện trung thành cái mình muốn thể hiện (vốn cũng bất định), nhà văn dùng đủ thứ xảo thuật: ẩn dụ, hoán dụ, chuyển ngữ, đảo ngữ, chấm phết hoặc không chấm phết, nhân vật, cốt truyện, đối thoại, độc thoại... Người ta vẫn tưởng rằng khi xây dựng một nhân vật hay một cốt truyện thì người ta muốn tạo nên một nhân vật hay cốt truyện. Thực ra, đó cũng là một loại cấu trúc ngôn ngữ để diễn tả ý niệm hay một hình ảnh về cái sự vật mà tâm thức tiếp nhận.

(Viết: Săn lùng ngôn ngữ - Trần Hữu Thực)

Nậy

Nậy : to, lớn
(heo nậy, bò nậy)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

90 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

T.K.: *Vậy xin phép tiếp tục câu chuyện thơ với anh ở chỗ đã... bị bỏ dở từ mấy năm nay! Thưa anh, có một vấn đề mà chắc anh cũng đã để ý từ lâu, đó là vấn đề “nhà thơ và thời thế”, nhà thơ phải sống thế nào với thời đại của mình, thưa anh?*

L.Đ.: Tôi xin trả lời thế này. Ngày xưa anh Vũ Hoàng Chương có mấy câu thơ rất nổi tiếng:
Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ
Bị quê hương ruộng bỏ, giống nói khinh.

Và nhiều người cũng khóc than cho thân phận nhà thơ: không hợp thời và người ta nêu lên vấn đề “tài mệnh tương đố”, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau và thường mong cho thời đại “Nghiêu Thuấn” trở lại. Theo tôi, đối với người làm thơ, chẳng có thời đại “Nghiêu Thuấn” nào cả.

Làm chữ một cách nghiêm túc tức là phải chấp nhận thân phận lỗi thời. Vấn đề là lỗi thời phía trước hay phía sau mà thôi. Tôi rất không ưa những nhà thơ thời trang vì đó là nhà thơ a dua và không giúp ích gì cho phong trào phát triển thơ ca cả.

(Câu chuyện văn nghệ với nhà thơ Lê Đạt - Thụy Khuê)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Bốn chân mà lại có đuôi
Đầu như đầu b., lưng lại gù lưng
(con chuột)

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn văn Ngọc)

Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu !?

Theo các sử gia cận đại thì cho tới nay nước ta đã trải qua ba thời kỳ bị Tàu đô hộ, mà ông cha chúng ta thường nói một cách vắn tắt: *Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu.*

- Theo Truyền thuyết, Họ Hồng Bàng (*các Vua Hùng*) trị vì đất nước, thời ấy có quốc hiệu là Văn Lang từ năm 2879 tới 258 trước Tây lịch mất ngôi về tay Thục Phán. Phán lên làm vua, đặt tên nước là Âu Lạc, trị vì từ 258 tới 207, tướng của Tần Thủy Hoàng là Triệu Đà tới đánh chiếm. Triệu Đà xưng Vương, lập ra Nhà Triệu, đặt quốc hiệu là Nam Việt, trị vì từ 207 tới 111.

- Bắc thuộc lần thứ 1 từ năm này bên Tàu đã thuộc Hán, Hán qua dẹp Đà, thế là nước ta lọt vào vòng nô lệ giặc Hán từ đó, kéo dài tới năm 40 sau Tây lịch, may mà có Hai Bà nổi lên chấm dứt cuộc đô hộ này (*dài 111+40 = 150 năm*).

- Bắc thuộc lần thứ 2 kéo dài từ 43-544, Lý Bôn chấm dứt (*dài 544-43 = 501 năm*).

- Bắc thuộc lần thứ 3 từ 603-939, Ngô Quyền chấm dứt (*dài 939-603 = 336 năm*).

- Bắc thuộc lần thứ 4 kéo dài từ 1407-1427. Lê Lợi chấm dứt (*dài 1427-1407 = 20 năm*).

Tổng cộng: 150+501+336+20 = 1007 năm.

Rủ nhau đi cầu

Tỉnh Thiểm Tây bên Tàu có *cầu Lam* (Lam kiều). Tục truyền nơi đây Bùi Hàng được gặp tiên. Do đó, cầu Lam thường được thơ văn dùng để ám chỉ việc trai gái gặp nhau.

Chày sương chưa nện cầu Lam

Sợ lằn khân quá ra sàm sỡ chẳng

(Kiều).

Nước ta cũng có *cầu Lam* (La Sơn, Nghệ An). Cầu Lam của ta không phải là nơi trai gái hẹn hò.

Sử chép:

Năm 1413, mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh vào Nghệ An. Vua (Trần Quý Khoáng) chạy về châu Hóa, sai đài quan là Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang sản vật địa phương tới Nghệ An. Trương Phụ giữ lại. Biểu tức giận mắng Phụ rằng: “Trong bụng thì mưu đánh lấy nước, bên ngoài giả làm quân nhân nghĩa; đã hứa lập con cháu nhà Trần, lại đặt quận huyện không những chỉ cướp lấy vàng bạc châu báu, lại còn giết hại nhân dân, thực là giặc tàn ngược”. Phụ giận lắm đem giết.

Sách *Nghĩa sĩ truyện* của Hoàng Trùng (cháu ngoại của Nguyễn Biểu) cho biết thêm nhiều chi tiết: “Khi tới trước quan Trương Phụ bọn giặc bảo Ngài lạy. Ngài đứng trơ không nhúc nhích. Nhân thế giặc đặt tiệc thết, nấu một đầu người mà mời, cốt để dò cho rõ ý Ngài. Ngài tức thì lấy đũa khoét hai mắt, hòa với giấm mà nuốt (trong bản chép có chua thêm rằng: Lúc tiệc bày ra, Ngài cười mà nói: đã mấy lúc mà người Nam lại được ăn đầu người Bắc).

Trương Phụ than rằng: “Thực là một tráng sĩ, thấy thế mà không kinh sợ”. Giặc biết ngài không chịu khuất, lấy lễ phép mà mời ngài về.

Ngài về tới cầu Lam. Có tên Phan Liêu là con Phan Quý Hựu, người làng Bàn Thạch, huyện Thạch Hà, trước đã hàng với giặc, được làm tri châu Nghệ An và hay cùng giặc vào ra bàn bạc. Nhân đó, Trương Phụ hỏi Liêu rằng ngài là người thế nào? Liêu vốn cùng ngài không thích hợp, nên nói rằng: “Người ấy là một người hào kiệt nước An Nam. Nếu Ngài muốn lấy nước An Nam mà lại thả người ấy ra thì việc làm sao xong được”. Trương Phụ cho là phải, tức thì sai người đuổi bắt trở lại (...). Trương Phụ trói Ngài vào dưới cầu Lam, trước chùa Yên Quốc, rồi đánh chết”.

Chính sử không chép truyện Nguyễn Biểu “ăn cỗ đầu người” và làm bài thơ nôm như sách *Nghĩa sĩ truyện* và truyện thuyết của dân gian.

Nhiều người khen truyện “ăn cỗ đầu người” hay. Đảm lược đến thế là cùng. Nhưng cũng có nhiều người chê. Không tin chuyện Trương Phụ nuôi người để ăn thịt. Không tin chuyện trước khi nhâm nhi món “giò thu” xào nấu kiểu Yên Kinh, Nguyễn Biểu còn trêu tức Trương Phụ bằng một bài... thơ nôm! Nghi ngờ cả chuyện người hầu bàn vô danh nào đó chỉ nghe qua một lần mà thuộc lòng được bài thơ để kể lại, chép lại cho đời sau.

Con cháu viết gia phả, kể truyện để ca tụng cha ông thì nhiều khi chỉ có chính cha ông mới kiểm chứng được.

(Nguyễn Dư)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Chiêu hồn nạp táng

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục: Mộ táng ở đâu.

Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng" là gì?

Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Các cụ kể lại rằng: chất liệu làm hình nhân, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mộc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi). Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi. Có địa phương dùng bùn lầy ở giữa dòng sông, có địa phương dùng mùn đào ở giữa ngã tư đường cái. Hình nhân được đẽo gọt hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40 cm chiều dài.

Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ lên linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép để vong hồn nhập vào hình nhân. Lễ an táng và các lễ các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

Phở xuất hiện lúc nào?

Vì gánh phở thường có bếp lửa nên có người cho rằng người Pháp nhìn thấy cái hàng phở rong đi qua mà lại có ánh lửa bập bùng, bèn kêu lên: “feu! feu!” (Lửa lửa, hay bếp lửa). Người bán hiểu ý, trả lời “Oui, feu” và bưng phở vào. Thế là ra cái tên “phở”.

Liên quan đến từ feu của tiếng Pháp, ta còn có thể kể đến ý kiến của Alain Guillemin trong một truyện ngắn do Ngô Tự Lập chuyển ngữ sang tiếng Việt. Theo Guillemin thì món phở Việt Nam là kết quả đầy sáng tạo của Thị Ba, tình nhân của François Pierre Vidcoq, ông ngoại của tác giả, một hạ sĩ quan hải quân thời trẻ từng sống ở Sài Gòn trong khoảng 1910-1914, khi cô phải chế biến món pot-au-feu của Pháp là món thịt bò hầm cà rốt cho anh ta ăn. Nhưng bài viết của Alain Guillemin là truyện, không phải là biên khảo. Hơn nữa, ông ngoại tác giả và Thị Ba sống tại Việt Nam trong khoảng 1910 -1914 mà năm 1909 thì món yục phở, tức món phở đã có mặt trong quyển “Technique du peuple annamite” (Kỹ thuật của dân An Nam) của Henri Oger nói đến rồi.

Dấu sao ý kiến của A. Guillemin cũng trùng với ý kiến của linh mục Eugène Gouin khi định nghĩa Phở là Pot au feu (Bò hầm, bò xào, bò xào, bò kho...)

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Cái gì vừa quả vừa hoa,
Con nít cũng thích ông già cũng mê
Ra đường dù thấy tràn trề
Ngắm nhìn thì được, mân mê thì đừng
(hai “quả đào tiên”).

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Cái váy



Trong lịch sử, váy yếm đánh dấu nhiều biến cố lịch sử đồng thời là yếu tố chống sự đồng hóa với y phục của người Tàu. Ngoài ra, cái váy còn là nguồn cảm hứng thi văn mang “tính dục” của những thi nhân có máu thích nhìn trộm người mặc váy dưới nhiều góc độ.

Các loại váy

Váy (1) được phân loại váy thành váy kín (váy chui), váy mở, váy đùm (váy buộc túm sau lưng để làm việc), váy cạp điều (lưng váy may bằng vải đồ), váy kép (hai

lớp, lớp ngoài vải mỏng, lớp trong vải thô), *váy cửa võng* (phía trước trùng xuống với các nếp gấp cong), váy quai cồng (váy xắn lên hông lúc làm việc cúi lom khom ngang hông, khi móc cua mò ốc, khi lội qua sông cạn thì phải vén váy lên theo mực nước). Váy của phụ nữ nhà giàu hoặc ở thành thị thì dài tới gần gót chân.

Hình thù

Hình thù cái váy là " *Cái quần không đáy* ". Là

Cái trống mà thùng hai đầu,

Bên ta thì có bên Tàu thì không

Chỉ vì đã thùng hai đầu lại còn không mặc đồ lót, vì vậy mà người đàn ông nào cũng biết sự trống trải bên trong váy mà nảy sinh cái thói thích nhìn trộm. Tật nhìn trộm đó là nguồn cảm hứng thi văn theo góc độ nhìn các loại váy sau : *váy ngồi xổm, váy lội trên nước, váy chống mông, váy lao động, váy phật tử...* để hờ cả cơ đồ. Bất gặp những cái váy này là thi nhân nổi hứng xuất khẩu thành thơ.

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

báo giới 報界

Báo giới tức là ngành báo chí, chỉ chung những người làm báo, trong đó, "giới" nghĩa là bờ cõi, là phạm vi, là lãnh vực chứ không phải là hạng hoặc loại như soạn giả đã dạy. Chẳng có chữ "giới" nào có nghĩa là hạng hoặc loại. Chỉ vì tác giả không biết chữ Hán mới đoán liều như vậy mà thôi.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chuyện chính tả

Hễ có băn khoăn gì về chính tả, thì lấy từ điển ra xem, nhưng từ điển không phải giải quyết được tất cả vì vẫn có một số ít từ không thống nhất.

Lê Văn Đức viết *lai căn*, trong khi Hoàng Phê viết *lai căng*. Đó là do quan điểm chính tả của các tác giả có khác nhau:

Lê Văn Đức chịu ảnh hưởng của Lê Ngọc Trụ chủ trương theo từ nguyên, giải thích *căn* ở đây là tiếng Hán Việt, nghĩa là "gốc, rễ", nên viết không có -g.

Còn Hoàng Phê cho rằng cần phải theo cách phát âm thực tế: ở những phương ngữ có phân biệt âm cuối -n/-ng, như Hà Nội, (*lai*) *căng* bao giờ cũng phát âm với -ng.

(Hoàng Dũng)

Rượu trong văn học

Nói đến rượu mà quên đề cập đến Phạm Thái kể như là một thiếu sót đáng kể. Phạm Thái hiệu là Đan Phượng, thường gọi là Chiêu Lý, người mà Khái Hưng cảm khái viết ra truyện "Tiêu Sơn tráng sĩ", một trang Anh hùng có thể chết vì ánh mắt giai nhân Trương Quỳnh Như. Khi nhà Tây Sơn ra đánh Bắc Hà, Phạm Thái bỏ đi tu, lấy hiệu là Phổ Chiêu thiền sư.

Phạm Thái sinh thời, rất thích rượu, thơ nhưng lại có tính ngông:

Có ai muốn biết tuổi tên gì

Vừa chẵn ba mươi gọi chú Lý

Năm bảy bài thơ gầy gỏi hạc
Một vài đũa trẻ béo răng nghê
Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuộm
Bầu dốc kiền khôn giọng bét be
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp
Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi.
(Tự trào)

Một tập thơ sàu ngâm đã chán
Vài be rượu nhạt uống ra gì
Thôi về tiên phật cho xong kiếp
Đù ỏ trần gian sống mãi chi?
(Cảm thán)

Nhưng bài sau đây có lẽ biểu lộ tính ngông trần đời của Chiêu Lý hơn hết:
Sống ở trần gian đánh chén nhè
Chết về âm phủ cấp kè kè
Diêm vương phán hỏi mang gì đó:
Be

Nhà thơ họ Phạm cũng chẳng ở cõi đời lâu. Ông mất lúc 35 tuổi.

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

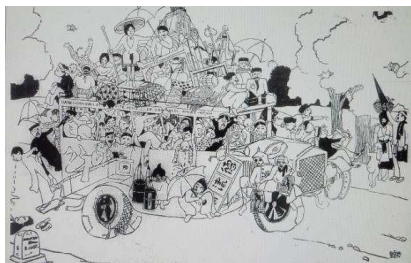
Với bài thơ này, Hoàng Cầm đưa ra câu chuyện một chị đàn bà xấu xí, muốn có bộ mặt đẹp nên dỗ dành đàn em đi tìm hộ chị thứ lá thần mỹ này. A! Chị muốn có chiếc lá thần được để làm cho mặt chị đẹp? Chỉ vài ngày sau đã có người tìm ra chiếc lá. Đó là chiếc lá dân tộc, giản dị là như vậy!...”

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

Người đề ra “tên-Lý Toét” lại là Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu

Hai "nhân vật" chủ chốt của biếm họa Việt Nam chính được sinh ra trên các trang báo Phong Hoá và từ đó đi vào văn học, vào đời sống thường ngày của người Việt: Lý Toét và Xã Xệ. Nhất Linh, dưới tên *họa sĩ Đông Sơn, chính là cha đẻ của Lý Toét.*

Tìm đọc lại báo Ngày Nay Xuân 1940, cũ, mới biết Nhất Linh có giải thích rõ ràng: *Tên Lý Toét ra đời trước*, rồi hình người Lý Toét mới ra đời sau. Năm 1930, trong báo Tứ Dân: *người đề ra “tên-Lý Toét” lại là Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu.*



Chắc các bạn còn nhớ: Bắt đầu từ Phong Hóa số 14, ra ngày 2-9-1932 chủ bút mới là Nguyễn Tường Tam. Ngay trong số 14 này, ta bắt gặp Đông Sơn đưa hình cụ (chưa có tên) về Hà Nội trên một chuyến xe đồ đông như nôm cối (hình bên).

Các bạn có nhìn thấy “cụ” ngồi trên mui xe ngay trên đầu tài xế đó không? Họa sĩ Đông Sơn (Nhất Linh) thật hóm, giấu kỹ chẳng cho ai biết gì cả! Nhưng chính ông cũng không biết là mình vô tình đã cho “cụ” về Hà Nội chơi hôm đó, trên chiếc xe đồ đó! Nhưng trước đó, cũng chính Tú Mỡ (2) đặt tên cho cụ là Lý Toét.

(2) ngoài là thi sĩ, Tú Mỡ còn là....họa sĩ.

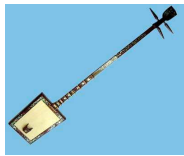
(Đi tìm gốc gác Lý Toét, Xã Xệ - Phạm Thảo Nguyên)

Nhà văn

Có một nhà văn đồng viên một người viết vào Hội. Người kia hỏi: “ Vào hội để làm gì?” . Anh nhà văn kia cười: “ Vào để khỏi phải viết nữa”. Anh ấy hài hước như vậy vì thực tế có những người vào hội rồi, vỗ ngực xưng danh “ *ta là nhà văn*”, rồi bằng bất có khi vài ba năm sau mới viết được một truyện ngắn, để nhắc với mọi người rằng “ *ta là nhà văn*”. Thế nên, điều lệ mới đây của hội nhà văn đã phải nhắc đến thời hạn không sáng tác của nhà văn để giới hạn độ “*lỳ*” của những nhà văn chỉ cần có cái danh xưng.

(Nguyễn Đức Thiện – Danh xưng “Nhà văn”)

Đàn đáy



Vì ở thời Lý hay thời Lê âm nhạc của ta ảnh hưởng Tàu rất nhiều. Những ca trù hay ở chỗ lại không giống Tàu một chút nào. Một cây đàn đáy Tàu không có, một giọng hát Tàu không có, một cái phách Tàu cũng không có nốt. Mà không chỉ so với Tàu mà với cả thế giới thì ca trù cũng là một loại hình âm nhạc độc đáo.

Đó là có một ả đào vừa hát vừa đánh phách, tiết tấu thì phức tạp, có một cây đàn chỉ dành riêng cho ca trù, đó là đàn đáy. Đàn đáy có một đặc điểm là rất dài làm cho dây không căng lắm và dây lại chỉ được lắp từ nửa thân dưới trở xuống để có độ nhấn rung.

Thứ nữa là trống chầu làm cho nhạc khúc triết. Trống chầu biết chỗ nào ngắt câu, chỗ nào ngắt khổ; mặt khác, nó có một vai trò quan trọng khác mà các trống khác không có – đó là trống khen, chê. Khen một câu hát hay, một tiếng đàn hay, chê một giọng hát dở, một tiếng đàn dở..., khen, chê đồng nghĩa giải thích cho người nghe chỗ này hay đấy, chỗ kia dở đấy, thú vị không?!

Chữ Việt cổ

cây cần hom : cây thì là

(Phạm Xuân Độ)

Chữ nghĩa làng văn

Ngôn ngữ là phương tiện của viết lách.

Hơn sáu mươi năm trước thường hay đọc lang thang, một hôm tôi gặp bài "Đợi thơ" của Hồ Dzếnh. Lời lời hoa mỹ, xa xôi, mơ hồ, mộng ảo; tôi mê tơi, "ngâm" đi "ngâm" lại:

Biển chiều vang tiếng nhân ngư

Non xanh thao thiết trời thu rượi sầu

Nhớ thương bạc nửa mái đầu

Lòng vương quán khách nghe màu tà huân

Lời không hiểu mấy, ý không rõ mấy, nhưng mặc kệ: tôi thích, mê tơi. Tôi có chú ý đến mấy tiếng "non xanh thao thiết".

"Thao thiết" ám ảnh tôi. Xanh thao thiết là xanh cách nào? Không biết đích xác, nhưng tôi cho đó là một chữ tài tình, đúng với màu núi "nọ"(?) Rồi cách dăm ba năm, bảy tám năm, tình cờ gặp một tác giả nào đó cũng "xanh thao thiết".

Nhưng tôi chưa bắt gặp "thao thiết" trong một cuốn tự điển Việt ngữ nào.

(Viết lách – Võ Phiến)

Tên của Phở

Tại Việt Nam, người Tàu dường như không bán “ngưu nhục phần” nhưng tại lục địa, gồm cả Hồng Kông họ có quảng cáo món này. Sau khi khảo về ngôn ngữ, ta sẽ khảo về hình thức và nội dung của “ngưu nhục phần” của Tàu với “phở” Việt Nam. Nếu dịch ra Anh văn, ngưu nhục phần và Phở danh xưng giống nhau. Các tiệm Tàu ghi là Beef vermicelli soup trong khi Việt Nam thường gọi là Phở là beef noodles /Noodle soup.

Còn người Tàu gọi phở Việt là: “Việt Nam ngưu nhục phần”

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Từ vi xem số cho người
Số thầy thì để cho ruồi nó bầu

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Hình nhân thể mạng

Ở nước ta chưa có "Tục tuấn táng" nhưng đời trước có tục đốt hình nhân thể mạng, vốn xuất xứ từ tục tuấn táng, nhân đạo hơn so với tuấn táng.

Đề vua chúa xuống dưới âm cung có người hầu hạ, tục ta không chôn người sống mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quắn bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó khi tế lễ xong thì đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhằm nhí sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thể mạng.

Có người vì mối tư thù nhưng yếu thế không trả thù được bèn nghĩ cách làm hình nhân rồi đề tên họ, huý, hiệu của kẻ thù vào trước ngực hình nhân, cắm ở ngã ba, ngã tư đường cái, thấp hương cắm lên đầu hình nhân để nhờ thần linh bắt tội người đó.

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền thời đó đã ra lệnh cấm hủ tục này. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức.

Chuyện làng văn với bút danh

Võ Phiến



Tên thật Đoàn Thế Nhơn, sinh tại Bình Định.

“...Mặc dù cũng đi làm toàn thời như anh, rồi nuôi một bầy con bốn người ba trai một gái, với hai người con trai kẹt lại ở Việt Nam mãi nhiều năm sau mới qua được, rồi cơm nước, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa, vườn tược, song chị cũng còn giữ phần đánh máy tất cả những trang bản thảo của anh, bảo làm sao chị không cùng thương những đứa con tinh thần của anh cho được, dù cho chúng có ra thế nào, và nâng niu, bảo bọc chúng.

Tôi tần mẩn thầm hỏi: Giá anh không *đọc lái tên chị - Viễn Phở - thành Võ Phiến*, rồi dùng nó làm bút hiệu từ đó, thì liệu chị có vẫn cảm thấy những đứa con tinh thần đồng đảo của anh gần gũi với chị đến thế?...”

(trích *Viễn Phố: Người đàn bà đằng sau bộ Văn Học Miền Nam 1954-75* – tác giả Trùng Dương Nguyễn Thị Thái)

Viễn phố

"Từ điển từ và ngữ Hán Việt" giải thích rằng viễn: xa; phố: *chỗ bán hàng, nhà trạm*; và viễn phố: nơi ở xa. Rồi ông trích dẫn câu thơ *Gác mái, ngư ông về viễn phố...* của Bà huyện Thanh Quan.

Ông (Nguyễn Lân) không hiểu rằng ở đây, *phố nghĩa là bến sông* chứ không phải phố là cửa hàng. Viễn phố nghĩa là bến sông ở xa. Bà huyện Thanh Quan ở thế giới bên kia hẳn phải vô cùng đau lòng cho đất nước nếu bà biết rằng có một nhà biên soạn từ điển tiếng Việt ở cuối thế kỷ XX đã giảng giải thơ của bà như thế.

(Hai quyển tự điển có hại cho tiếng Việt - Lê Mạnh Chiến)

Rượu trong văn học

Nguyễn công Trứ (1778-1859), cuộc đời "lên voi xuống chó" của nhà thơ và cái hùng tâm của Uy Viễn tướng công, nhưng không thiếu hơi hám của rượu trong Thơ:

"Thơ một túi, phẩm đề câu nguyệt lộ
"Rượu ba chung, tiêu sái cuộc yên hà
(Cầm kỳ thi tửu)

"Ai say, ai tỉnh, ai thua được,
"Ta mặc ta, mà ai, mặc ai.
(Cầm kỳ thi tửu)

"Lưng bầu rượu say cổ kim kim cổ
"Một túi thơ vui hoa nguyệt nguyệt hoa
(Kiếp nhân sinh)

"Hẹn với lợi danh ba chén rượu
"Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ
(Thoát vòng danh lợi)

"Trót đà khuya sớm với ma men,
"Mặc kệ người chê, mặc kệ khen.
(Uống rượu tự vịnh)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Nét "tục" trong tục ngữ phong dao

Câu đối

Cái hoa tim tím, cái nhị điều điều
Đàn ông đậm nhiều, đàn bà đậm ít
(cái máy khâu)

("Tục Ngữ Phong Dao" - Nguyễn Văn Ngọc)

91 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

T.K.: *Vậy thưa anh, vấn đề mấu chốt nhất trong văn nghệ bây giờ là gì?*

L.Đ.: Tôi cho vấn đề quan trọng nhất bây giờ là vấn đề phê bình tức là đối thoại giữa các người làm nghề (văn) với nhau. Ở Việt Nam hầu như không có phê bình. Người ta không phê bình gì cả, thỉnh thoảng đánh nhau một trận rồi lại thôi. Và trên báo người ta in những bài điểm sách chẳng có giá trị gì cả, toàn là tăng bốc nhau, khen ngợi nhau, chẳng giúp ích gì cho văn học nghệ thuật cả. Mà một phong trào văn học nghệ thuật không có phê bình thì không thể nào tiến bộ được. Không biết Hội Nhà Văn sẽ làm thế nào, các người hoạt động văn nghệ sẽ làm thế nào, để tạo được một không khí phê bình lành mạnh. Từ trước đến nay, các nhà phê bình với các nhà sáng tác, vốn đã có thành kiến với nhau rất sâu sắc rồi. Chị có nhớ câu của Anton Chekov, người lịch sự như thế, mà cũng phải nói là nhà phê bình là đám ruồi đốt con ngựa, hút máu con ngựa trong lúc con ngựa đang hết hơi, hết sức để leo dốc. Và các nhà phê bình cũng không ưa gì nhau cả. Vì thế không có không khí đối thoại tử tế trong văn học nghệ thuật. Nếu mà không có đối thoại thì không có dân chủ. Không có dân chủ thì không thể nào tiến bộ được. Tôi cho cái đó là rất quan trọng.

(Câu chuyện văn nghệ với nhà thơ Lê Đạt - Thụy Khuê)

Rủ nhau đi cầu

Lịch sử còn có *cầu Giấy* (Hà Nội) là nơi ghi 2 chiến công: giết Francis Garnier năm 1873, và giết Henri Rivière năm 1883.

Chắc trong đám tụi mình đưa nào cũng còn nhớ dăm ba câu:

Đây sông Gianh, đây biên cương thống khổ
Đây sa trường, đây nắm mộ trời Nam
Đây dòng sông, dòng máu Việt còn loang
Máu dơ bản muôn đời không rửa sạch...
Hận sông Gianh)

Trịnh Nguyễn phân tranh. Chia cắt, chết chóc.

Mấy trăm năm sau, lịch sử lại có thêm sông Bến Hải, *cầu Hiền Lương*. Lại chia cắt, suốt 21 năm trời (1954-1975).

Vợ nhớ chồng:

Cách một con sông mà đó thương đây nhớ
Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa

Chồng nhớ vợ:

Cầu nối nhịp duyên ta tròn vẹn
Dòng Hiền Lương mát bến xuôi đò
Con sông vẫn đẹp đôi bờ
Tám lòng có một, cơ đồ không hai
(Nguyễn Bình, *Gửi người vợ miền Nam*, 1956)

(Nguyễn Dư)

Ngầy

Ngầy : chê
(ngầy ngà)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Ông Sơn Nam chẳng hạn, mở cuốn *Tuổi già* của ông ra đọc, thấy: "râu ria *"bùm tum"* (trang 22), *"lật bật"* tới chợ" (trang 29), mất chỗ *"đùm đàu"* (trang 32)..., những chữ ấy đều không tìm thấy trong bộ *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức.

Nhưng viết nhiều tiếng lạ thì nhà văn Sơn Nam không theo kịp nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Trong một cuốn *Tạp văn* (3) chẳng hạn, bao nhiêu tiếng mới: cần nhân *cử như* (trang 50), *lượng sượng* không biết nói chuyện gì (59), những bộ quần áo mới má *thất theo* chắt mót từng lọn rau bó cái để sấm cho con (75), mưa bắt đầu *xập xoài* (76), đầu *chờ vờ* như con cá lóc gặp nước mặn (84), mặt trời *lặng bưng* lên từ phía chân trời (84), mình *cùm nùm cùm nựu* lủ nó (tức lủ vịt con) (107), v...v...

Ồi, phong phú không biết bao nhiêu mà kể.

(Viết lách – Võ Phiến)

Chuyện chính tả

Mặt khác, vẫn tồn tại một số từ có nhiều cách viết.

Từ điển Hoàng Phê ghi cả hai hình thức: *giậm / dậm* (chân), (cái) *giậm / dậm, giữa / dũa*; hoặc ghi cả hai nhưng chuyển chú về một hình thức được coi là chuẩn hơn hoặc phổ biến hơn: *giông* x. *dông* (tổ), *giấy* x. *giã*, (chim) *dang* x. *giang*, (cây) *dang* x. *giang*, (rau) *giền* x. *dền*, (cá) *giếc* x. *diếc*, ...

Dẫu sao, trong trường hợp này, người viết có quyền chọn một trong hai hình thức, mà không bị xem là sai chính tả.

(Hoàng Dũng)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Chơi chữ

Một học trò nghèo, bữa kia phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không ngờ nhà này lại là một ông quan hồi hưu. Ông quan trông thấy thương tình, bèn ra một vé đối thử tài:

Quân tử cố cùng, quân tử cùng quân tử cố

(Người quân tử bền lòng lúc cùng khổ, quân tử lúc cùng, quân tử bền lòng - Luận ngữ).

Khó ở chữ cố, vì đây lấy nghĩa nôm là cầm cố, ở chữ cùng, nghĩa nôm là cùng quẫn.

Anh học trò đối ngay:

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.

(Khổng Minh bắt, tha, Khổng Minh tha, Khổng Minh bắt - Tam quốc: Khổng Minh bắt Mạnh Hoạch bảy lần lại tha).

Tài tình ở chữ cầm, lấy nghĩa nôm cầm cố như trên, chữ túng nghĩa nôm là túng tiền, vừa đối chữ, vừa đối nôm.

Vị quan cấp ngay tiền cho, khỏi cần phải ... cầm với cố!

(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Với bài *Đi tìm lá diêu bông* của Hoàng Cầm nữ phê bình gia văn học Thụy Khuê luận:

“Lá Diêu Bông là lá gì? Bí mật. Phải chăng là lá hạnh phúc? Là tình người? Là tự do? Là lòng trinh, là nghĩa liệt? Là gì chẳng nữa thì diêu bông chắc chắn chỉ là ảo ảnh. Lá ảo ảnh, lá hư vô, lá tuyết mù trong cõi sống.”

Đầu xuân Đinh Hợi 2007, tại Huế, qua bài *Đi tìm lá diêu bông*, nhà báo kiêm nhà thơ Ngô Minh nhận xét:

“Đọc trong văn cảnh, người ta nghĩ ngay đến chị đây là người có quyền muốn làm gì thì làm, tức là nhà nước. Còn em là nhà thơ, là văn nghệ sĩ, yêu chị mà chị không yêu cũng phải cam chịu. Muốn theo chị mà chị không cho, chị lách đầu.”

Thế là vì *Lá diêu bông*, Hoàng Cầm đã phải ngồi tù 18 tháng.

Nhưng thực tình *Lá diêu bông* không phải là bài thơ chống đối, không có ý gì chống đối ẩn trong đó cả, mà chỉ là bài thơ buồn, trách. Vì buồn, vì trách mà phải ngồi tù năm rưỡi rông quá là quá oan nghiệt!"

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

Hát cô đầu

Nghệ thuật múa hát ông cha ta học được của người Tàu đó truyền đến Thế kỷ 19 chia thành hai ngành chuyên biệt và chuyên nghiệp, nhiều người làm hai ngành này có thể sống được với nghề: trình diễn ca múa trên sân khấu: chèo, tuồng, và hát trong phòng: hát ả đào.

Hát ả đào, hay hát cô đầu, có nhiều cách, thể, điệu: Hát nói, Hát ru, Gửi thư, Kể chuyện, Bồng mạc, Sa mạc v.v... Không có ý chuyên khảo về đề tài Hát Ả Đào nên tôi chỉ viết thoáng qua phần này. Lời của các điệu hát giống nhau, thường là thơ lục bát, lời

Nói là một thể riêng.

Hát Nói là điệu ca phổ biến nhất trong những điệu ca ả đào. Các thi sĩ xưa của ta sáng tác khá nhiều bài Hát Nói. Như thể thơ Lục bát, Hát Nói là thể thơ hoàn toàn Việt Nam; trong Hát Nói có rất ít ảnh hưởng của thơ Đường luật.

Tân Đà, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát đều sáng tác Hát Nói, nhiều bài được làm ra với dụng ý rõ ràng là để cho các cô đầu hát. Một số vị quan lại thời ấy, tuy không phải là thi sĩ theo nghĩa thi sĩ chúng ta hiểu hiện nay, đã sáng tác Hát Nói, đặc biệt là sáng tác của những ông quan lại họ Dương: Dương Khuê, Dương Lâm, Dương Tự Nhu. Nghề cô đầu ở nước ta thịnh vượng nhất cùng với thời hiển đạt của những ông Án sát, Tuần phủ, Tổng đốc nhà Nguyễn.

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Câu đố

Canh một thì trải chiếu ra
Canh hai bóp vú, canh ba sờ l.
Canh tư thì lác om sòm
Canh năm cuộn chiếu ằm con ra về
(người kéo vó)

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn văn Ngọc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

bát dật 八佾

Bát là tám, dật 佾 là đội hình ca múa. Bát dật 八佾 là đội hình ca múa có tám hàng ngang và tám hàng dọc, gồm 64 người. Tuy soạn giả nêu được định nghĩa rằng, bát dật là lối múa cổ có tám hàng, mỗi hàng tám người, nhưng ông đã phạm sai lầm khi giảng rằng, dật nghĩa là yên vui. Đó là một sự suy đoán tùy tiện của người không biết chữ Hán mà chỉ dựa theo âm của từ tổ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Lời quê

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Hôm qua tát nước...
Vừa trắng vừa tròn
Trong đục bên nào
Mười thương, mười thương
Ai ơi chơi lấy...
Trèo lên cây bưởi...
Anh đi, anh đi
Lúc đêm khuya
Chiều xanh trái xuống...
Có có không không
Rồi sẽ, biết đâu...

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

Chữ nghĩa với ca dao dân gian

Đi đâu mà chẳng lấy chồng
Người ta lấy hết chồng mông mà gào
Gào rằng đất thấp trời cao
Sao không thí bỏ cho tao tấm chồng
Ông trời ngoảnh lại ông trông
"Mày hay kén chọn ông không cho mày"

Cái váy

Cái váy trong câu đối

Khi bà Đoàn Thị Điểm đang giặt váy dưới sông thì thấy võng lọng quan lớn đi qua, Bà liền ra câu đối:

Võng đào quan lớn đi trên ấy,
Váy rách bà con vổ dưới này.

Sáng trăng trong váy

Đêm trăng thanh sáng tỏ, cô nàng mặc váy ngồi xỏm đan sàng khiến cho đôi mắt của anh chàng nhìn thấy ánh trăng mà hỏi rằng:

Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng,
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?
Đan sàng thiếp cũng xin vâng,
Tre vừa đủ lá non chăng hỏi chàng.

Còn đôi mắt của anh chàng mê ăn thịt chó "cờ tây" thì nhìn thấy lá đa trong ánh trăng.

Sáng trăng em tưởng tối trời,
Em ngồi em để cái sự đời em ra;
Sự đời như cái lá đa,
Đen như mồm chó chém cha sự đời.

Cái váy trong mắt "quáng gà"

Ngày ngày ê a đọc tứ thư ngũ kinh thì hay bị mắt hoa đầu vầng. Đó là trường hợp anh đồ nhìn cô gái sẵn váy lội nước hái hoa sen, thì mắt hoa đầu vầng về nhà thì ngã bệnh ảo ảnh.

Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ
Ra hồ sen xem ả hái hoa.
Ả hờ hênh ả để đồ ra,

Đồ trông thấy ngậm nga tức khắc.
Đêm năm canh đồ nằm khôn nhấc,
Những mơ màng đồ nọ tưởng đồ kia.

Mắt của ông thần nhìn từ trên xuống:con cú

Tại " *Chỗ lội làng Ngang* ", có đền thờ Ông Cuội và đến đó, các bà các cô sẵn váy, vén quần (2) tới háng để lội qua sông. Thi sĩ Tam Nguyên Yên Đổ mô tả đôi mắt của Ông Thần Cuội nhìn thấy cái gì trắng trắng như con cú.

Đầu làng Ngang có một chỗ lội,
Có đền Ông Cuội cao vọi vọi.
Đàn bà đến đấy vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.
Ông Cuội ngồi trên (đền) mỉm mép cười,
Cái gì trắng trắng như con cú (núm rơm)
Đàn bà khép nép đứng liền thưa,
Con trót hớ hênh Ông xá tội

Váy quai cồng

Khi làm lụng ngoài đồng, lội qua sông cạn hay tắm rửa bên bờ sông thì các bà sẵn váy quai cồng lên tới háng như cụ Nguyễn Khuyến mô tả:

Con gái nhà ai tắm vệ sông,
Vú vè để hở váy quai cồng
Ước gì ta được mà ta để,
Ta để mà ta lại... để chung.

Hôm qua tát nước...

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Khi anh "bỏ quên (...) trên cành hoa sen" cho em "được", khi em cố ý "cởi (...) cho nhau" rồi "về nhà dối mẹ qua cầu gió bay", cái áo ai bảo chỉ để mặc!

Người nông dân Việt Nam tình tứ nhất thế gian

Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
Khâu rồi, anh sẽ trả công,
Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho:
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm;
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo;
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo bông cau

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)